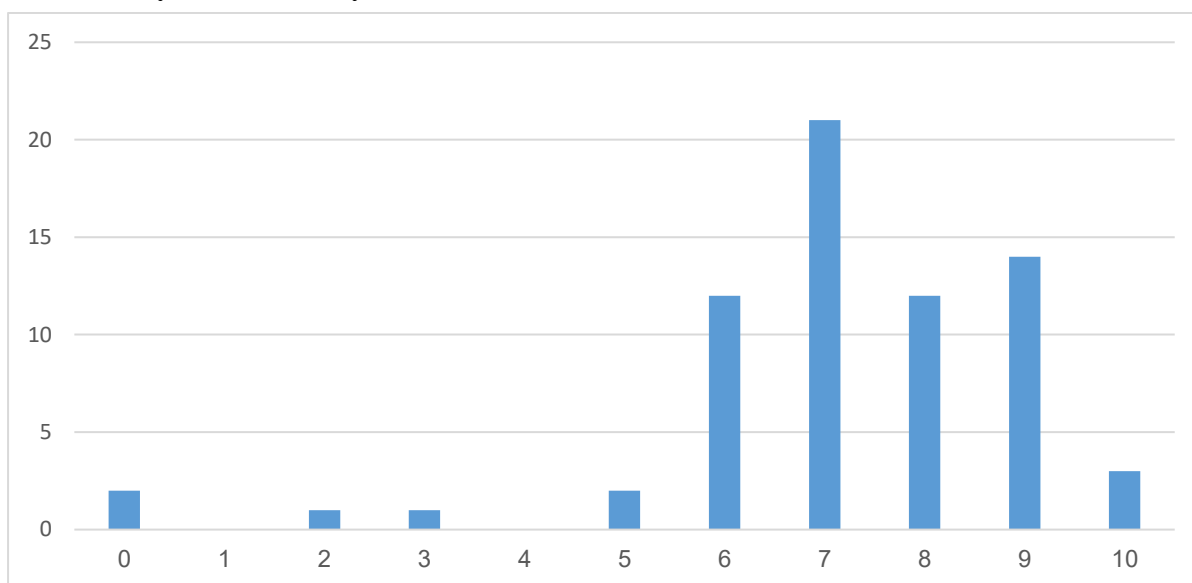


TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH PHỔ ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
MỘT SỐ MÔN HỌC NĂM 2021 – 2022**

1. Môn thực hành Cử tạ



Biểu đồ phổ điểm môn Cử tạ năm học 2021 – 2022

1.1. Bảng tần số điểm

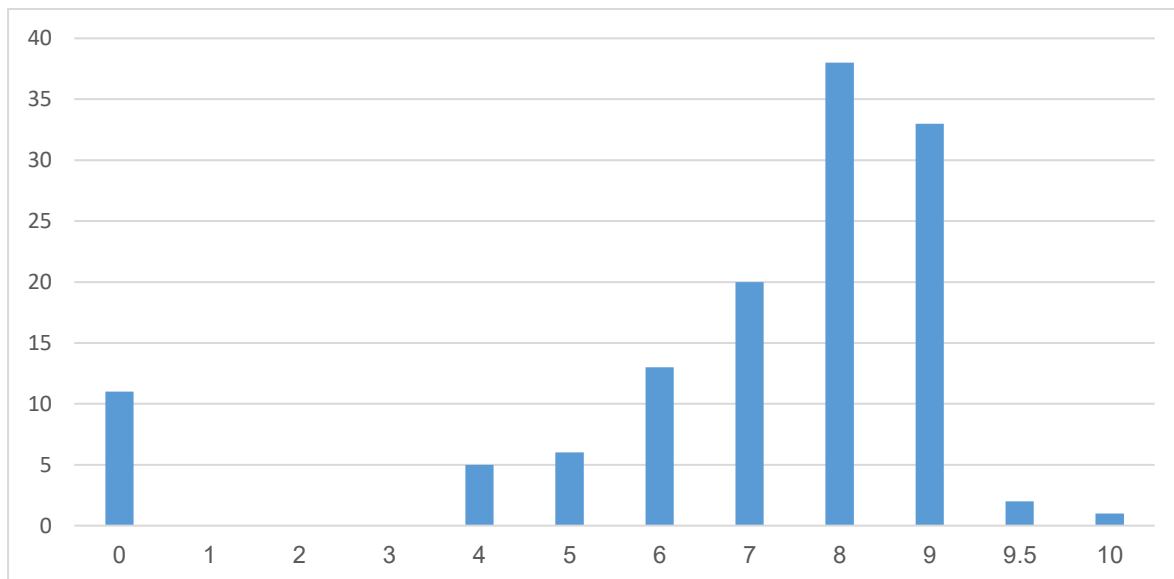
Điểm	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
SL	2	0	1	1	0	2	12	21	12	14	3

1.2. Bảng chỉ số thống kê

Tổng số sinh viên	68	
Trung bình	7.15	
Trung vị	6.5	
Số sinh viên đạt Điểm ≤ 2	3	4.412%
Số sinh viên đạt dưới trung bình < 5	4	5.882%
Mức điểm trung bình có nhiều sinh viên đạt	7	30.882%

Kết quả phân tích phổ điểm môn Cử tạ cho thấy: Năm học 2021 - 2022, có 68 sinh viên học tập và kiểm tra Cử tạ, trong đó điểm trung bình là 7.15 điểm, điểm trung vị là 6.5 điểm; Số sinh viên có điểm ≤ 2 là 3 (chiếm tỷ lệ 4.412%); số sinh viên đạt điểm dưới trung bình là 4 (chiếm tỷ lệ 5.882%), điểm số có nhiều sinh viên đạt nhất là 7 điểm (chiếm 30.882%).

2. Môn thực hành Cờ vua



Biểu đồ phổ điểm môn Cờ vua năm học 2021 – 2022

2.1. Bảng tần số điểm

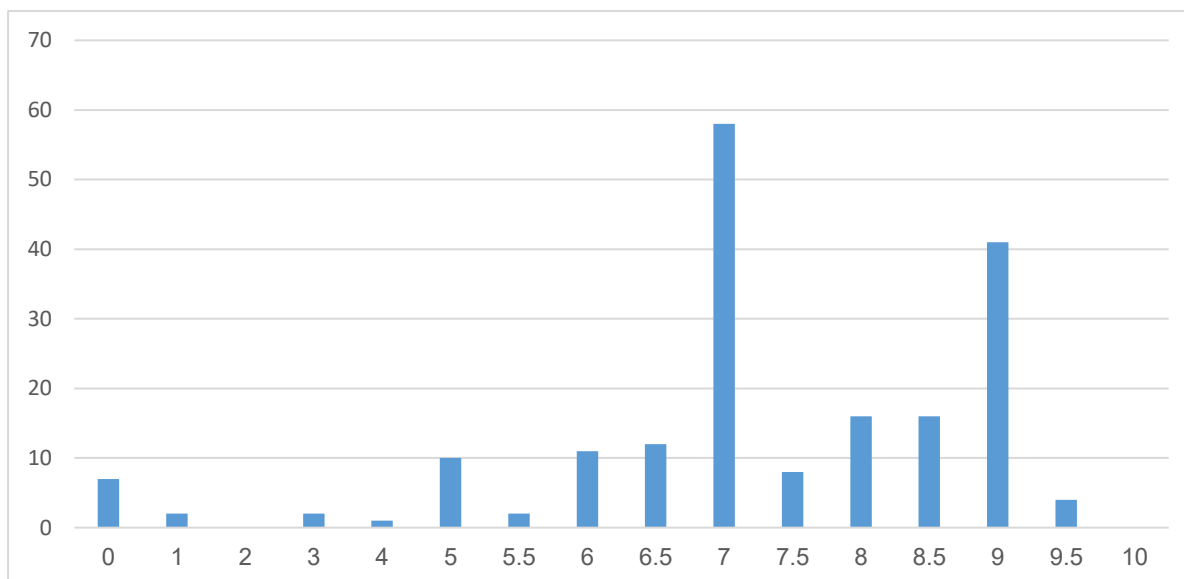
điểm	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	9.5	10
SL	11	0	0	0	5	6	13	20	38	33	2	1

2.2. Bảng chỉ số thống kê

Tổng số sinh viên	129	
Trung bình	6.96	
Trung vị	7.1	
Số sinh viên đạt Điểm ≤ 2	11	8.527%
Số sinh viên đạt dưới trung bình < 5	11	8.527%
Mức điểm trung bình có nhiều sinh viên đạt	8	29.457%

Kết quả phân tích phổ điểm môn Cờ vua cho thấy: Năm học 2021 - 2022, có 129 sinh viên học tập và kiểm tra Cờ vua, trong đó điểm trung bình là 6.96 điểm, điểm trung vị là 7.1 điểm; Số sinh viên có điểm ≤ 2 là 11 (chiếm tỷ lệ 8.527%); số sinh viên đạt điểm dưới trung bình là 11 (chiếm tỷ lệ 8.527%), điểm số có nhiều sinh viên đạt nhất là 8 điểm (chiếm 29.457%).

3. Môn lý thuyết Lý luận và PPGDTC trong trường học



Biểu đồ phổ điểm môn LL&PPGDTC trong trường học năm học 2021 – 2022

3.1. Bảng tần số điểm

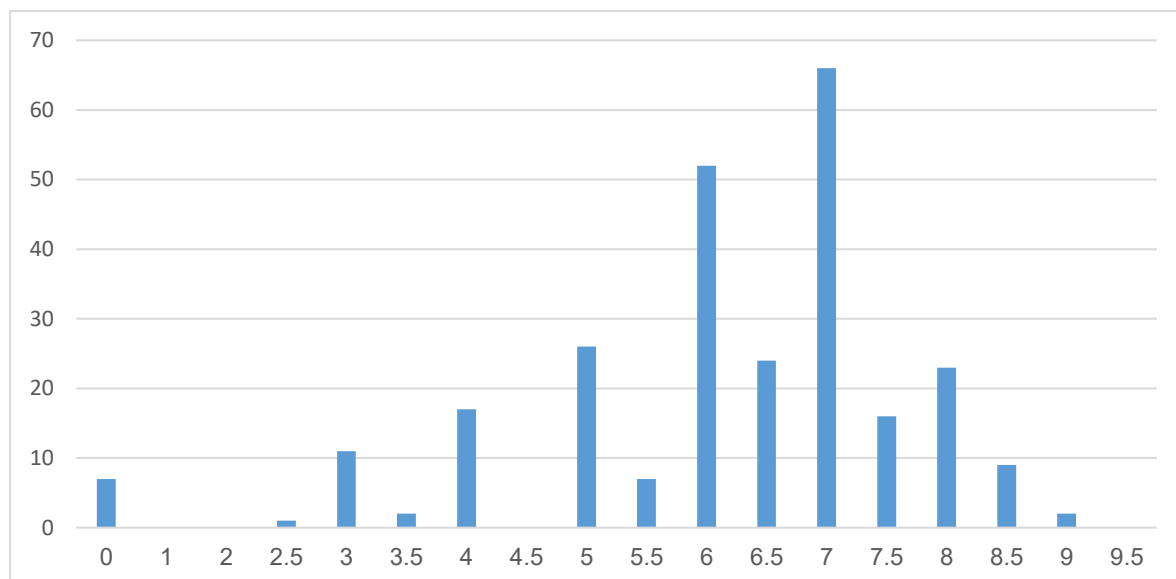
điểm	0	1	2	3	4	5	5.5	6	6.5	7	7.5	8	8.5	9	9.5	10
SL	7	2	0	2	1	10	2	11	12	58	8	16	16	41	4	0

3.2. Bảng chỉ số thống kê

Tổng số sinh viên	190	
Trung bình	7.13	
Trung vị	6.9	
Số sinh viên đạt Điểm ≤ 2	9	4.74%
Số sinh viên đạt dưới trung bình < 5	12	6.32%
Mức điểm trung bình có nhiều sinh viên đạt	7	30.5%

Kết quả phân tích phổ điểm môn LL&PPGDTCTTH cho thấy: Năm học 2021 - 2022, có 190 sinh viên học tập và kiểm tra môn LL&PPGDTCTTH, trong đó điểm trung bình là 7.13 điểm, điểm trung vị là 6.9 điểm; Số sinh viên có điểm ≤ 2 là 9 (chiếm tỷ lệ 4.74%); số sinh viên đạt điểm dưới trung bình là 12 (chiếm tỷ lệ 6.32%), điểm số có nhiều sinh viên đạt nhất là 7 điểm (chiếm 30.5%).

4. Môn lý thuyết Vệ sinh TDTT



Biểu đồ phổ điểm môn Vệ sinh TDTT năm học 2021 – 2022

4.1. Bảng tần số điểm

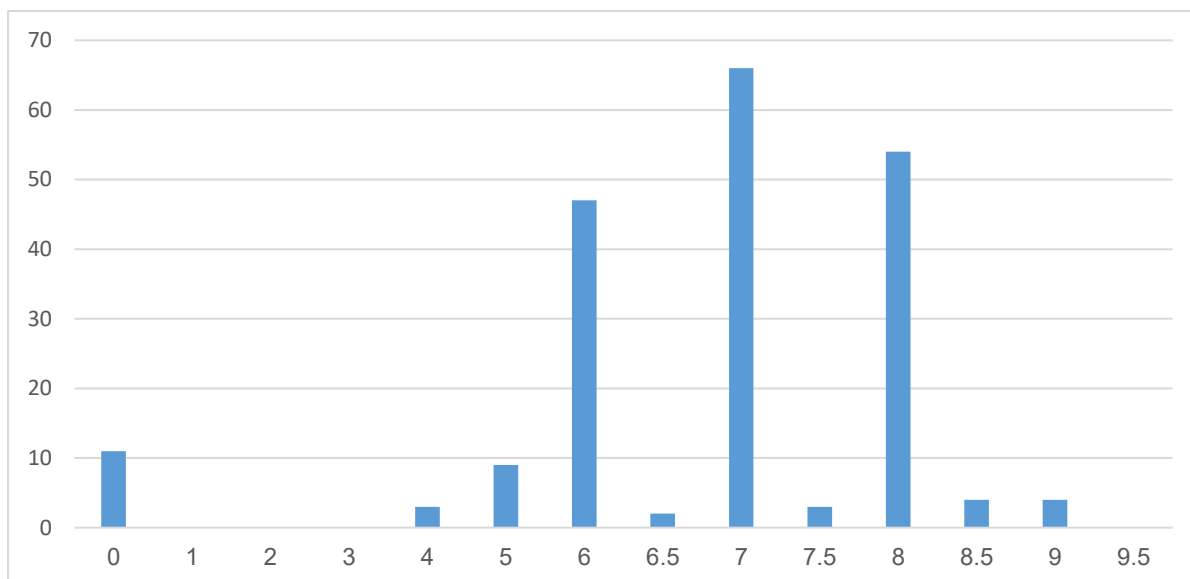
Điểm	0	1	2	2.5	3	3.5	4	4.5	5	5.5	6	6.5	7	7.5	8	8.5	9	9.5
SL	7	0	0	1	11	2	17	0	26	7	52	24	66	16	23	9	2	0

4.2. Bảng chỉ số thống kê

Tổng số sinh viên	263	
Trung bình	6.11	
Trung vị	6.4	
Số sinh viên đạt Điểm ≤ 2	7	2.66%
Số sinh viên đạt dưới trung bình < 5	38	14.4%
Mức điểm trung bình có nhiều sinh viên đạt	7	25.1%

Kết quả phân tích phổ điểm môn Vệ sinh TDTT cho thấy: Năm học 2021 - 2022, có 263 sinh viên học tập và kiểm tra môn Vệ sinh TDTT, trong đó điểm trung bình là 6.11 điểm, điểm trung vị là 6.4 điểm; Số sinh viên có điểm ≤ 2 là 7 (chiếm tỷ lệ 2.66%); số sinh viên đạt điểm dưới trung bình là 38 (chiếm tỷ lệ 14.4%), điểm số có nhiều sinh viên đạt nhất là 7 điểm (chiếm tỷ lệ 25.1%).

5. Môn lý thuyết Y học thể thao



Biểu đồ phổ điểm môn Y học thể thao năm học 2021 – 2022

5.1. Bảng tần số điểm

Điểm	0	1	2	3	4	5	6	6.5	7	7.5	8	8.5	9	9.5
SL	11	0	0	0	3	9	47	2	66	3	54	4	4	0

5.2. Bảng chỉ số thống kê

Tổng số sinh viên	203	
Trung bình	6.59	
Trung vị	6.6	
Số sinh viên đạt Điểm ≤ 2	11	5.419%
Số sinh viên đạt dưới trung bình < 5	14	6.896%
Mức điểm trung bình có nhiều sinh viên đạt	7	32.512%

Kết quả phân tích phổ điểm môn Y học thể thao cho thấy: Năm học 2021 - 2022, có 203 sinh viên học tập và kiểm tra môn Y học thể thao, trong đó điểm trung bình là 6.59 điểm, điểm trung vị là 6.6 điểm; Số sinh viên có điểm ≤ 2 là 11 (chiếm tỷ lệ 5.419%); số sinh viên đạt điểm dưới trung bình là 14 (chiếm tỷ lệ 6.896%), điểm số có nhiều sinh viên đạt nhất là 7 điểm (chiếm tỷ lệ 32.512%).

Như vậy: Có thể nhận thấy rằng phổ điểm thi kết thúc học phần các môn thực hành và lý thuyết trong năm học 2019 – 2020 đều tập trung vào khoảng điểm từ 7 – 10 điểm. Cụ thể:

Đỉnh phổ điểm của các môn thực hành và môn lý thuyết là đều lệch phải, tỉ lệ sinh viên đạt dưới trung bình và điểm trung bình thấp. Điều này chứng tỏ đề thi đã làm tốt việc kiểm tra, đo lường mức độ nắm bắt kiến thức của sinh viên; đạt được mục tiêu so sánh trình độ, năng lực của từng sinh viên với chuẩn đầu ra.

Sườn bên phải của phổ điểm có độ dốc khá lớn, sự chênh lệch giữa các mức điểm (từ 8 – 10 điểm) khá cao và giảm mạnh ở mức điểm 9 – 10. Tức là, đề thi đã phân hóa khá rõ các sinh viên ở mức khá, khá giỏi, giỏi và xuất sắc.

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 7 năm 2022

PHÒNG KT&ĐBCLGD

Trưởng phòng



TS. Đàm Trung Kiên